

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 123/2021/HS-PT

Ngày: 15-9-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

*Các Thẩm phán:*

1. Phạm Văn Diệp;

2. Nguyễn Quốc Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Mai Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 119/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo Trần Minh N; cùng đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo Trần Minh N, Đặng Ngọc N, Phan Thị D (B); đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 39/2021/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

*Các bị cáo kháng cáo:*

**1. Trần Minh N**, sinh năm 1993 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp GD, xã MC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị Lệ H; vợ tên Nguyễn Thị H; có 01 người con chung. Tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị tạm giữ ngày 19-01-2021, đến ngày 28-01-2021 được áp dụng biện pháp *Cấm đi khỏi nơi cư trú*; từ ngày 28-01-2021, đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Đặng Ngọc N**, sinh năm 1976 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp BD, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Minh C và bà Trần Thị K; bị cáo có chồng tên Lê Minh T và có 01 con;

Tiền án: Bản án số 43/2019/HS-ST ngày 27-6-2019, Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, chưa được xóa án tích. Tiền sự: không có. Bị cáo bị tạm giữ ngày 19-01-2021, đến ngày 28-01-

2021 áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Ngày 09-02-2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng bảo lãnh. Từ ngày 28-3-2021 đến nay được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**3. Phan Thị D (tên gọi khác B)**, sinh năm 1993 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp GD, xã MC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị P; bị cáo có chồng tên Phan Văn V ( bị cáo trong vụ án) và có 02 người con.

Tiền án: Bản án số 43/2019/HS-ST ngày 27-6-2019, Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt số tiền 50.000.000 đồng về tội “ *Đánh bạc* ”, chấp hành xong ngày 22-01-2021, đến ngày 28-01-2021 được áp dụng biện pháp *Cấm đi khỏi nơi cư trú* đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo Phạm Văn T, Trần Văn L, Nguyễn Tĩ P, Nguyễn Hữu H, Đậu Văn Đ, Trần Văn Đ (tên gọi khác Đ), Phan Văn V và những người tham gia tổ tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 13 giờ ngày 19-01-2021, Phạm Văn T gọi điện thoại rủ Phan Văn V lắt tài xỉu thắng thua bằng tiền, V chọn điểm vườn cao su; thuộc ấp GC, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh để đánh bạc. Ban đầu sòng bạc có T dùng số tiền 2.900.000 đồng đánh bạc, V đánh bạc số tiền 250.000 đồng, Phan Thị D dùng số tiền 230.000 đồng đánh bạc, Nguyễn Hữu H dùng số tiền 1.100.000 đồng đánh bạc, Nguyễn Tĩ P dùng số tiền 2.900.000 đồng đánh bạc, tổng số tiền đánh bạc 7.380.000 đồng. Trong lúc đánh bạc, D về trước. Sau đó Trần Văn L, Trần Minh N, Đặng Ngọc N, Trần Văn Đ, Đậu Văn Đ đến tham gia đánh bạc. T quy định đặt thấp nhất số tiền 50.000 đồng, cao nhất số tiền 300.000 đồng, sòng bạc hoạt động đến 17 giờ 15 phút Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang, riêng V chạy thoát. Ngày 20-01-2021, bị cáo Phan Thị D đã đầu thú. Vai trò và số tiền của từng người tham gia đánh bạc như sau:

1. Phạm Văn T làm cái, sử dụng số tiền 2.900.000 đồng đánh bạc, thắng được số tiền 1.000.000 đồng, bị phát hiện rút số tiền 4.000.000 đồng tại chiếu bạc, bị thu giữ số tiền 87.000 đồng.

2. Trần Minh N sử dụng số tiền 10.700.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt thắng được số tiền 700.000 đồng, nên bị thu giữ số tiền 11.400.000 đồng.

3. Trần Văn L sử dụng số tiền 5.730.000 đồng đánh bạc, thua nên bị thu giữ

số tiền 5.630.000 đồng.

4. Nguyễn Tĩ sử dụng số tiền 2.900.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt thua số tiền 700.000 đồng, bị thu giữ số tiền 2.220.000 đồng (20.000 đồng thừa là tiền nằm trong ốp lưng điện thoại của P).

5. Nguyễn Hữu H sử dụng số tiền 1.100.000 đồng đánh bạc, thua số tiền 200.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ số tiền 900.000 đồng.

6. Đặng Ngọc N sử dụng số tiền 830.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ số tiền 830.000 đồng.

7. Đậu Văn Đ sử dụng số tiền 500.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ số tiền 500.000 đồng.

8. Trần Văn Đ sử dụng số tiền 400.000 đồng đánh bạc, thua khi bị bắt 300.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ khi bị bắt 100.000 đồng.

9. Phan Văn V sử dụng số tiền 250.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt thua hết tiền và chạy thoát.

10. Phan Thị D sử dụng số tiền 230.000 đồng đánh bạc, thua số tiền 100.000 đồng và về trước khi bị bắt.

Tổng số tiền dùng để đánh bạc 25.540.000 đồng.

\* Tang vật thu giữ tại chiếu bạc:

- Tiền Việt Nam: 13.800.000đ (mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

- 01 đĩa sứ màu trắng, 02 chum màu đỏ, 03 hột xí ngầu, 01 tấm bao bì làm chiếu bạc.

\* Vật, tài liệu tạm giữ của các bị cáo và đối tượng:

1. Phạm Văn T:

+ Tiền Việt Nam: 87.000đ (tám mươi bảy nghìn đồng).

+ 01 điện thoại samsung màu đen, số imel: 353996320097159/01.

+ 01 xe mô tô Dream, màu nâu, biển số: 70K7-8823, số khung: RLHHA08015Y719626, số máy: HA08E0719432.

2. Nguyễn Tĩ P:

+ Tiền Việt Nam: 2.220.000đ (hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

+ 01 điện thoại Iphone 6S plus, màu đen, số Imel: 353287078243687.

+ 01 điện thoại nokia màu đen, số imel: 352877109574439.

+ 01 xe mô tô Wave an pha màu đỏ, biển số: 70E1-43315, số khung: RLHHC090X6Y219037, số máy: HC09E6210931.

3. Nguyễn Hữu H:

+ Tiền Việt Nam: 900.000đ (chín trăm nghìn đồng).

+ 01 điện thoại di động nokia màu đen, số imel: 352894105524011.

+ 01 xe Sirius màu đỏ đen, biển số: 70T1-3698, số khung: RLCS5C6408

Y070453, số máy: 5C64070453.

4. Trần Minh N:

+ Tiền Việt Nam: 11.400.000đ (mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ 01 điện thoại di động nokia màu xanh, số imel: 355812098363673.

+ 01 xe mô tô Future X, màu đỏ, biển số: 70G1-786.44, số khung: RLHJC3506

AY303583, số máy: JC45E0187195.

5. Trần Văn L:

+ Tiền Việt Nam: 5.630.000đ (năm triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

+ 01 điện thoại di động nokia màu đen, số imel: 352879104520243.

+ 01 xe mô tô Future, màu đỏ đen, biển số: 70H1-292.16, số khung: RLHJC7602GZ004763, số máy: JC76E0014620.

6. Trần Văn Đ:

+ Tiền Việt Nam: 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

+ 01 điện thoại di động Iphone 6S, số imel: 359196061386893.

+ 01 điện thoại di động mobel màu đen, số imel: 810093600078472.

+ 03 hột xí ngầu.

+ 01 xe mô tô Dream màu nâu, biển số: 70L4-7710, số khung, số máy bị đục.

7. Đậu Văn Đ:

+ Tiền Việt Nam: 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

+ 01 điện thoại di động oppo màu xanh, số imel: 86385148067518.

8. Đặng Ngọc N:

+ Tiền Việt Nam: 830.000đ (tám trăm ba mươi nghìn đồng).

+ 01 điện thoại di động nokia màu đen, vàng, số imel: 354217102869684118.

+ 01 xe mô tô Wave an pha, màu trắng, biển số: 70H1-404.66, số khung: RLHJA3907HY613672, số máy: JA39E0588805.

9. Nguyễn Văn D:

+ 01 điện thoại di động nokia màu đen, số imel: 353147114737861.

+ 01 xe mô tô Dream màu nâu, biển số: 70F9-0435, số khung: RNDDCGVND71002203, số máy: VDGZS150FMG-JA00002203.

**\*Kết quả xử lý đồ vật, tài liệu:**

1. Trả cho Trần Văn Phương 01 xe mô tô Wave an pha màu đỏ, biển số: 70E1-43315, số khung: RLHHC090X6Y219037, số máy: HC09E6210931.

- Trả cho Nguyễn Thị Lộc 01 xe mô tô Future, màu đỏ đen, biển số: 70H1-292.16, số khung: RLHJC7602GZ004763, số máy: JC76E0014620.

\* Kê biên tài sản: Các bị cáo không có tài sản nên không kê biên.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 39/2021/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh N 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành án phạt tù từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 19-01-2021 đến ngày 27-01-2021.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc N 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành án phạt tù từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 19-01-2021 đến ngày 27-01-2021.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Thị D 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành án phạt tù từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20-01-2021 đến ngày 27-01-2021.

Bản án quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29-5-2021, bị cáo Đặng Ngọc N và bị cáo Phan Thị D (B) có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 31-05-2021, bị cáo Trần Minh N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Minh N và Đặng Ngọc N. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị D (B). Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, 356, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; giữ nguyên quyết định hình phạt của bản án sơ thẩm đối với 2 bị cáo Trần Minh N và Đặng Ngọc N. Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Phan Thị D (B); đề nghị xử phạt bị cáo Phan Thị D (B) từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo có lời nói sau cùng xin được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm; do đó những hành vi, quyết định của người tiến hành tố



tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm điều hợp pháp.

[2] Hành vi các bị cáo thực hiện: Ngày 19-01-2021, bị cáo N đem theo số tiền 10.700.000 đồng cùng với các bị cáo T, V, D, H, P, L, N, Đ và Đ để lặt tài xỉu thắng thua bằng tiền, do bị cáo T làm cái và quy định đặt ít nhất số tiền 50.000 đồng, nhiều nhất số tiền 300.000 đồng; đến 17 giờ 15 phút cùng ngày, sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo V bỏ chạy. Riêng bị cáo D đi về trước khi bị bắt quả tang, nên ngày 20-01-2021 đã đầu thú. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc 25. 540.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã bị Tòa án sơ thẩm xét xử về tội : “ *Đánh bạc* ”; theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N cung cấp biên nhận tiền hụi 10.700.000 đồng từ bà Nguyễn Thị T và giấy xác nhận của bà T đang làm đầu công nhỗ mì, bị cáo còn nợ bà T số tiền 10.200.000 đồng; để bị cáo chứng minh phải trả nợ cho bà T; nhưng lời trình bày của bị cáo và chứng cứ này đều không có căn cứ pháp lý, nên không chấp nhận. Do đó Tòa án sơ thẩm xác định bị cáo dùng số tiền đánh bạc 11.400.000 đồng (cộng số tiền thắng bạc 700.000 đồng) và xử phạt bị cáo 06 tháng tù, thấp hơn so bị cáo T là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo không có tiền án, tiền sự; nhân thân tốt, chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa lần nào bị kết án, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; nhưng Tòa án sơ thẩm chưa xem xét. Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định, được chính quyền địa phương xác nhận lao động chính trong gia đình. Căn cứ Nghị quyết số: 02/2018/ NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo, chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.2] Đối với các bị cáo Đặng Ngọc N và Phan Thị D (B); với hành vi phạm tội của 2 bị cáo; Tòa án sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án; xử phạt mỗi bị cáo 06 tháng tù về tội “ *Đánh bạc* ” phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nên không có căn cứ để xem xét, không chấp nhận đơn kháng cáo của 2 bị cáo.

[4] Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Minh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Đặng Ngọc N và Phan Thị D (B); mỗi bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, 356, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh N.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Ngọc N và bị cáo Phan Thị D

(B)

1. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 39/2021/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

**Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Minh N 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”,** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Trần Minh N về Ủy ban nhân dân xã MC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú, thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên; Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Ngọc N **06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”**; thời hạn chấp hành án phạt tù từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 19-01-2021 đến ngày 28-01-2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phan Thị D (B) **06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”**; thời hạn chấp hành án phạt tù từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, có khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20-01-2021 đến ngày 28-01-2021.

2. **Án phí:** Bị cáo Trần Minh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Đặng Ngọc N và bị cáo Phan Thị D (B); mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí phúc thẩm hình sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND. TTN;
- TAND. huyện TB;
- Chi cục THADS. huyện TB ;
- Công an huyện TB;
- Phòng PV 06 CATTN;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( đã ký)

**Nguyễn Thanh Minh Châu**



